

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị
sự nghiệp công lập năm 2022 của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc
UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Căn cứ Công văn số 5915/BNV-TCBC ngày 24/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1219/TTr-SNV ngày 24/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2022 của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức của các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là: 3.698 biên chế.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

2. Số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là: 59.748 người, trong đó:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo : 52.056 người;
- Sự nghiệp Y tế : 5.249 người;
- Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao: 881 người;
- Sự nghiệp khác : 1.562 người.

3. Số lượng người làm việc dự phòng: 15 người.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

4. Hỗ trợ biên chế sự nghiệp cho các Hội đặc thù cấp tỉnh là 77 người và 01 định xuất lương.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc được giao cho các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Nội vụ).

b) Quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc được giao; đồng thời tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

c) Bố trí, điều chuyển, thực hiện tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo biên chế đang thực hiện không vượt quá số biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc được giao năm 2022.

2. Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Kho bạc nhà nước cấp huyện.

a) Thực hiện chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp (nếu có) theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao năm 2022.

b) Đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu hoặc thực hiện tinh giản trong năm 2022 thì thực hiện chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp (nếu có) đến thời điểm nghỉ việc.

3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc.

b) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về tình hình thực hiện biên chế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục 1
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ,
UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế công chức hành chính năm 2022
	Tổng số (I+II)	3.698
I	CẤP HUYỆN	1.853
1	Huyện Mường Lát	58
2	Huyện Quan Sơn	60
3	Huyện Quan Hóa	60
4	Huyện Bá Thước	69
5	Huyện Lang Chánh	60
6	Huyện Thường Xuân	69
7	Huyện Như Xuân	60
8	Huyện Như Thanh	60
9	Huyện Ngọc Lặc	69
10	Huyện Cẩm Thủy	69
11	Huyện Thạch Thành	69
12	Huyện Vĩnh Lộc	60
13	Huyện Thọ Xuân	75
14	Huyện Triệu Sơn	70
15	Huyện Nông Cống	71
16	Huyện Yên Định	69
17	Huyện Thiệu Hóa	69
18	Huyện Đông Sơn	60

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế công chức hành chính năm 2022
19	Huyện Hà Trung	60
20	Thị xã Bỉm Sơn	60
21	Huyện Nga Sơn	69
22	Huyện Hậu Lộc	69
23	Huyện Hoằng Hóa	76
24	Huyện Quảng Xương	70
25	Thị xã Nghi Sơn	102
26	Thành phố Sầm Sơn	65
27	Thành phố Thanh Hóa	105
	CẤP TỈNH	1.845
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	93
-	Cơ quan Sở	65
-	Chi cục Biển và Hải đảo	14
-	Chi cục bảo vệ môi trường	14
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	75
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	560
-	Cơ quan Sở	56
-	Chi cục Thủy lợi	30
-	Chi cục phát triển nông thôn	22
-	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	16
-	Chi cục Thủy sản	32
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	20

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế công chức hành chính năm 2022
-	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	22
-	Chi cục Kiểm lâm	270
-	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	16
-	Vườn Quốc gia Bến En	20
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	19
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	22
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	15
4	Sở Tư pháp	41
5	Sở Công Thương	61
6	Sở Xây dựng	68
7	Sở Giao thông vận tải	76
8	Ban an toàn giao thông tỉnh	3
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	70
10	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	124
-	Cơ quan Văn phòng	99
-	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thanh Hóa	15
-	Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa	10
11	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	36
12	Sở Nội vụ	72
-	Cơ quan Sở	39
-	Ban Thi đua - Khen thưởng	13

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế công chức hành chính năm 2022
-	Ban Tôn giáo	10
-	Chi cục Văn thư lưu trữ	10
13	Sở Tài chính	93
14	Sở Y tế	76
-	Cơ quan Sở	45
-	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	16
-	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	15
15	Sở Khoa học và Công nghệ	58
-	Cơ quan Sở	39
-	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	19
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	70
17	Sở Thông tin và Truyền thông	31
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	77
19	Thanh tra tỉnh	45
20	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	67
21	Ban Dân tộc	28
22	Sở Ngoại vụ	21

Phụ lục 2
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN TRỰC THUỘC
UBND TỈNH; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
I	CẤP HUYỆN	46.322
1	Mường Lát	860
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	836
	+ Mầm non	243
	+ Tiểu học	379
	+ TH cơ sở	203
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	11
2	Quan Sơn	973
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	17
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	948
	+ Mầm non	390
	+ Tiểu học	334
	+ TH cơ sở	218
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	6
3	Quan Hóa	1.038
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	21
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.008

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	+ Mầm non	377
	+ Tiểu học	385
	+ TH cơ sở	235
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	11
4	Bá Thước	1.748
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	21
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.719
	+ Mầm non	661
	+ Tiểu học	640
	+ TH cơ sở	404
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	14
5	Lang Chánh	938
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	914
	+ Mầm non	354
	+ Tiểu học	322
	+ TH cơ sở	225
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	13
6	Thường Xuân	1.772
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	18
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.745

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	+ Mầm non	704
	+ Tiểu học	632
	+ TH cơ sở	387
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	22
7	Như Xuân	1.304
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	20
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.275
	+ Mầm non	527
	+ Tiểu học	438
	+ TH cơ sở	295
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	15
8	Như Thanh	1.494
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.468
	+ Mầm non	602
	+ Tiểu học	519
	+ TH cơ sở	325
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	22
9	Ngọc Lặc	1.914
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.886
	+ Mầm non	644

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	+ Tiểu học	726
	+ TH cơ sở	482
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	34
10	Cẩm Thủy	1.505
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.476
	+ Mầm non	583
	+ Tiểu học	521
	+ TH cơ sở	347
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
11	Thạch Thành	2.148
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.118
	+ Mầm non	839
	+ Tiểu học	750
	+ TH cơ sở	513
	+ Trung cấp nghề	16
12	Vĩnh Lộc	1.115
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.089
	+ Mầm non	436
	+ Tiểu học	376

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	+ TH cơ sở	259
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	18
13	Thọ Xuân	2.596
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	21
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.564
	+ Mầm non	905
	+ Tiểu học	936
	+ TH cơ sở	693
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	30
14	Triệu Sơn	2.410
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.383
	+ Mầm non	769
	+ Tiểu học	880
	+ TH cơ sở	705
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	29
15	Nông Cống	2.062
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.037
	+ Mầm non	663
	+ Tiểu học	746
	+ TH cơ sở	603

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
16	Yên Định	1.952
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.926
	+ Mầm non	703
	+ Tiểu học	701
	+ TH cơ sở	495
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	27
17	Thịệu Hoá	1.685
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	11
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.663
	+ Mầm non	514
	+ Tiểu học	641
	+ TH cơ sở	485
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	23
18	Đông Sơn	928
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	905
	+ Mầm non	307
	+ Tiểu học	331
	+ TH cơ sở	242
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
19	Hà Trung	1.426
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.401
	+ Mầm non	463
	+ Tiểu học	546
	+ TH cơ sở	367
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
20	Bỉm Sơn	620
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	6
	Đội quy tắc đô thị	5
	- Sự nghiệp Giáo dục	595
	+ Mầm non	201
	+ Tiểu học	203
	+ TH cơ sở	173
	+ Trung cấp nghề	18
21	Nga Sơn	1.757
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.731
	+ Mầm non	589
	+ Tiểu học	608
	+ TH cơ sở	505
	+ Trung cấp nghề	29
22	Hậu Lộc	1.998

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	13
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.973
	+ Mầm non	651
	+ Tiểu học	736
	+ TH cơ sở	561
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
23	Hoàng Hóa	2.598
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	22
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	13
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.563
	+ Mầm non	910
	+ Tiểu học	905
	+ TH cơ sở	714
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	34
24	Quảng Xương	2.084
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	13
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.056
	+ Mầm non	662
	+ Tiểu học	735
	+ TH cơ sở	638
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
25	Nghi Sơn	2.760

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	19
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Đội quy tắc thị xã	15
	- Ban giải phóng mặt bằng hỗ trợ tái định cư	50
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.664
	+ Mầm non	805
	+ Tiểu học	1.040
	+ TH cơ sở	794
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
26	Sầm Sơn	1.220
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	17
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Đội quy tắc thị xã	5
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.189
	+ Mầm non	409
	+ Tiểu học	414
	+ TH cơ sở	356
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	10
27	Thành phố Thanh Hóa	3.417
	- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	28
	- Nhà văn hóa thiếu nhi	5
	- Ban Quản lý di tích Hàm Rồng	8
	- Đội quy tắc thành phố	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Sự nghiệp Giáo dục	3.348

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
	+ Mầm non	1.035
	+ Tiểu học	1.312
	+ TH cơ sở	978
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	23
II	CẤP TỈNH	13.426
28	Sở Tài nguyên và Môi trường	8
-	Trung tâm công nghệ thông tin	8
29	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	394
-	Văn phòng Sở	1
-	Trung tâm điều dưỡng người có công	64
-	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người có công	20
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội	101
-	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1	62
-	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	21
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	29
-	Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội	29
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	14
-	Trường trung cấp nghề miền núi	15
-	Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên khuyết tật Đặc biệt khó khăn	10
-	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi	26
-	Quỹ bảo trợ trẻ em	2

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	558
-	Chi cục Thủy lợi	79
-	Chi cục chăn nuôi và Thú y	29
-	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	11
-	Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	7
-	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	3
-	Chi cục Kiểm lâm	92
-	Vườn quốc gia bèn en	46
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	22
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	20
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	16
-	Trung tâm khuyến nông	36
-	Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường	6
-	8 Ban Quản lý rừng phòng hộ	170
-	Ban Quản lý Cảng cá Lạch Hới	7
-	Ban Quản lý Cảng cá Lạch Bạng	7
-	Ban Quản lý Cảng cá Hoà Lộc	7
31	Viện Nông nghiệp	50
32	Sở Tư pháp	50

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
-	Trung tâm bán đấu giá tài sản	6
-	Trung tâm trợ giúp pháp lý	34
-	3 Phòng công chứng	10
33	Sở Công Thương	37
-	Trường trung cấp nghề thương mại du lịch	23
-	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng	14
34	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.759
-	Các trường trung học phổ thông (bao gồm cả Trung học phổ thông của 8 trường liên cấp)	5.561
-	Trung học cơ sở (bao gồm Trung học cơ sở của 08 trường 2 cấp học)	131
-	Trung tâm giáo dục thường xuyên	40
-	Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp	27
35	Văn phòng UBND tỉnh	20
-	Trung tâm công báo	5
-	Nhà khách 25B	15
36	Sở Nội vụ	18
-	Chi cục Văn thư lưu trữ	18
37	Sở Y tế	5.249
-	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	11
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	16
-	Trung tâm kiểm nghiệm	35
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	205
-	Trung tâm Giám định y khoa	15
-	Trung tâm Pháp y	15
-	Khối Trung tâm y tế tuyến huyện	1.180
-	Khối bệnh viện tuyến tỉnh	361

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
-	Khối bệnh viện tuyến huyện	500
-	Y tế xã	2.911
38	Sở Giao thông vận tải	50
-	Thanh tra Giao thông	50
39	Sở Khoa học và Công nghệ	16
-	Trung tâm Thông tin ứng dụng Chuyển giao Khoa học công nghệ	10
-	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	6
40	Sở Thông tin và Truyền thông	12
-	Trung tâm công nghệ thông tin	12
41	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	386
-	Thư viện tỉnh	24
-	Ban nghiên cứu lịch sử	8
-	Trung tâm Văn hóa tỉnh	31
-	Bảo tàng tỉnh	17
-	Trung tâm bảo tồn di sản văn hóa Thanh Hóa	17
-	Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn	63
-	Nhà hát nghệ thuật truyền thống	86
-	Trung tâm bảo tồn di sản thành Nhà Hồ	11
-	Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	30
-	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao	79
-	Ban Quản lý Di tích lam kinh	6
-	Câu lạc bộ bóng đá Thanh Hóa	14
42	Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi sơn và các Khu công nghiệp	16
-	Trung tâm quản lý hạ tầng môi trường và Hỗ trợ đầu tư	16

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2022
43	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	15
-	Trung tâm triển lãm, hội chợ và quảng cáo	15
44	Trường Đại học Hồng Đức	336
-	Trường Đại học Hồng Đức	329
-	Trung tâm giáo dục Quốc tế	7
45	Trường Cao đẳng Y tế	95
46	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80
47	Trường Cao đẳng công nghiệp	115
48	Trường Cao đẳng Nông nghiệp	103
49	Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn	25
50	Liên minh các Hợp tác xã	15
-	Trường Trung cấp nghề Tiểu thủ Công nghiệp	15
51	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, du lịch	19
III	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	15

Phụ lục 3
BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, ĐỊNH SUẤT LƯƠNG
CỦA CÁC HỘI ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2022		
		Tổng số	Trong đó	
			Số lượng Biên chế	Định xuất lương
	Tổng cộng	78	77	1
1	Liên minh các HTX	16	15	1
2	Hội Văn học nghệ thuật	14	14	0
3	Hội Chữ thập đỏ	11	11	
4	Hội Đông y	7	7	
5	Hội người mù	8	8	
6	Hội khuyến học tỉnh	1	1	
7	Hội làm vườn và trang trại	3	3	
8	Liên hiệp các hội khoa học và KT	7	7	
9	Hội bóng đá	1	1	
10	Hội Luật gia	2	2	
11	Hội nhà báo	7	7	
12	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	1	1	